

# Thời Kỳ Văn Học Vừa Qua Và Hướng Phát Triển Của Văn Học

## • Hoàng Ngọc Hiến

Những năm trước Cách mạng, những năm cuối cùng thời Pháp thuộc, văn học công khai "nặng nề ám khí". Về thơ chẳng hạn, thơ Vũ Hoàng Chương - Đinh Hùng lấp lánh tài hoa, ngây ngất sắc hương mà toát lên "ám khí nặng nề" của sự tan rữa. Thơ Vũ Hoàng Chương - Đinh Hùng là sự thoái hóa của *dòng thơ âm tính*, một dòng thơ mà chỉ mấy năm trước đó đã đóng góp những tập thơ hoàn mỹ cho nền thơ Việt. Ở đây trong khuôn khổ của đề tài, tôi xin phép chỉ nhắc đến thơ Hàn Mặc Tử (1937-1940) và Lửa Thiêng (1940) của Huy Cận (sẽ giải thích vì sao sắp hai tác phẩm này vào dòng thơ âm tính).

Nói đến Cách mạng tôi thường nhớ đến hình ảnh "mặt trời chân lý" trong bài thơ quen thuộc của nhà thơ Tố Hữu. Đối với thể hệ của tôi thì Cách mạng tháng Tám là một mặt trời. Cách mạng tháng Tám đã xua tan "ám khí nặng nề" đã đem lại ánh dương và dương khí cho đời sống văn học. Nhiệm hồng một nền văn học không khó, nhưng tạo ra sự quang hợp màu xanh cho văn học, đó mới là ý nghĩa cốt yếu và lâu dài của cách mạng đối với văn học.

Rũ sạch "ám khí nặng nề", từ mùa thu năm 1945, văn học của ta chủ yếu phát triển như một dòng văn học dương tính. Chúng tôi quan niệm sự phát triển của nền văn học nào cuối cùng cũng là sự tích hợp của hai dòng văn học: dòng văn học âm tính và dòng văn học dương tính dành rằng có thời kỳ dòng này hoặc dòng nọ nổi lên

như là chủ lưu. Tính trội của dòng chủ lưu chỉ là tương đối.

"Âm tính", "dương tính" chỉ là những định nghĩa ước lệ. Chúng tôi thử nêu những sự khác biệt quan trọng nhất.

Dương tính là triết học duy vật, âm tính là triết học duy tâm. Nếu như triết học là một nguồn tư tưởng quan trọng của văn học thì sự phát triển của văn học ta mang khuynh hướng dương tính ở ngay gốc nguồn. Trong sự lựa chọn triết học, chúng ta đứng ở quan điểm duy vật. Ở ta, chủ nghĩa duy vật một thời gian dài phát triển ngoảnh lưng với chủ nghĩa duy tâm, lẩn tránh sự đối thoại với các học thuyết duy tâm. Trong các giáo trình triết học của ta, có nhắc đến những học thuyết duy tâm để phê phán, lẽ ra phải làm phê phán những chỗ mạnh của học thuyết, ta lại chọn những điểm yếu nhất, hơn nữa những điểm này lại bị giản đơn hóa, bị trình bày như những biến họa ngộ ngẩn, như vậy không thể gọi là "đối thoại" được. Có thể nói sinh hoạt triết học ở ta một thời gian dài mang tính chất "luyến ái đồng tính" (ở mục này cũng như ở những mục sau, chúng tôi chỉ nói đến khuynh hướng chung, trong thực tế bao giờ và ở đâu cũng có những đầu óc triết học say mê nghiên cứu triết học duy tâm). Lẩn tránh đối thoại với triết học duy tâm, chủ nghĩa duy vật của chúng ta dễ bị nông cạn, hời hợt, "dại dột" (Lênin đã từng nói duy tâm "khôn ngoan" vẫn hơn là duy vật "dại dột"). Với một cơ sở triết học như vậy, văn học khó mà có một nội dung tư tưởng sâu sắc, phong phú.

Chúng tôi tiếp tục triển khai sự đối lập dương tính - âm tính. Dương tính là chủ nghĩa duy lý. Âm tính là sự chấp nhận cái phi lý, cái phi lô gích, cái kỳ ảo, đây là những quy luật của giấc mơ, một bộ phận cốt yếu của sinh tồn con người. Chủ nghĩa duy lý là một sức mạnh, là

---

Hoàng Ngọc Hiến tốt nghiệp tiến sĩ văn học từ Liên Bang Xô Viết, nguyên là hiệu trưởng Trường Viết Văn Nguyễn Du, Hà Nội.

một trình độ của nhận thức, nhưng một sự tiếp thu đơn thuần chủ nghĩa duy lý Âu Châu - lại thiếu một cái vốn văn hóa phương Đông - làm cho văn học càng dương tính một cách phiếm diện.

Dương tính là sự tư duy ngôn ngữ - logic, tư duy suy lý (pensée discursive), âm tính là trực giác, là tín ngưỡng (hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ giới hạn ở tôn giáo) và những rung động siêu hình. Tiêu biểu cho tư duy suy lý, tư duy ngôn ngữ - logic trong thơ là loại thơ vẫn được gọi là "ngôn thi". "Thần thi" giả định trực giác "Xuất thần", giả định "tín ngưỡng" hoặc sự đắm đuối tương đồng với tín ngưỡng. Thần thi mang những rung động siêu hình. Chúng tôi hiểu tâm niệm "Lửa thiêng" của Huy Cận, mơ mộng u huyền và siêu thoát sáng láng của Hàn Mặc Tử (mà vẫn hiện hiện nhục cảm vô tận và bất diệt)... đó là những rung động siêu hình và đối với đời sống tinh thần của con người, những rung động này không phải là thừa, càng không phải là xa xỉ.

Có thể bổ sung sự đối lập nói trên bằng sự đối lập "tư duy khái niệm" và "tư duy hình tượng". Ngày nay khoa học đã chứng minh tính chất phi đối xứng chức năng hai bán cầu của não. Trên đại thể, chức năng đặc thù của bán cầu (bên) trái là "tư duy khái niệm", tư duy ngôn ngữ - logic, còn bán cầu (bên) phải làm chức năng tư duy hình tượng, trực giác nghệ thuật. Xét kết quả thì hoạt động của bán cầu trái tạo ra "văn bản một nghĩa" tức là văn bản có ý nghĩa tính xác định cao còn hoạt động của bán cầu phải tạo ra "văn bản đa nghĩa" tức là văn bản mang những ký hiệu có khả năng gọi ra nhiều ý nghĩa. Phân biệt những chức năng và kết quả như trên, chúng tôi cho rằng bán cầu trái nặng về dương tính, bán cầu phải nặng về âm tính.

Một số điểm đối lập khác giữa khuynh hướng dương tính và khuynh hướng âm tính:

Dương tính là "chất thép", âm tính là "tính nước" - theo cách hiểu của nhà triết học Cao Xuân Huy, đó là sự nhu nhược, sự uyển chuyển trong ứng xử và trong nhận thức. Dương tính là chiến tranh, âm tính là đời sống hòa bình ("trao thời loạn, gái thời bình"); dương tính là đấu tranh, âm tính là tìm kiếm sự hài hòa, "sự thỏa ước". Dương tính là thời sự, là thực tại trước mắt, là "cái hôm nay và giờ phút này"; âm tính là sự ám ảnh của những mô típ, những siêu tượng (archetype) vĩnh cửu.

Dương tính là hiện tại. Âm tính là quá khứ. Không chỉ có hiện tại của trạng thái nhân thể. Nói đến cái hiện

tại nghệ thuật không thể không thấy - do những thành tựu của chủ nghĩa hiện thực thế kỷ XX và những đóng góp độc đáo của những trường phái chủ nghĩa hiện đại - biện hộ đã được mở rộng chưa từng thấy từ cực đầu này là sự tả chân tự nhiên (tiếp cận với chủ nghĩa tự nhiên) sang cực đầu kia những biểu tượng trừu tượng (đến bí hiểm). Còn quá khứ - đó là cái gốc của dân tộc, của nhân loại, là tuổi thơ của mỗi người và của loài người với lối cảm nghĩ bằng những kết cấu "tiền ngôn ngữ" - sự xuất hiện của những kết cấu này trong tác phẩm nghệ thuật không nên vội vàng qui kết là sự phủ định chủ nghĩa duy lý.

Dương tính là xu hướng thế tục hóa, âm tính là siêu thăng (hoặc thăng hoa) và ngưỡng vọng cái thiêng. Thế tục hóa có nghĩa là ngày càng đời hơn, không né tránh cái "tục" của đời người và cái "phàm" của người đời. Siêu thăng là "siêu phàm" "thoát tục", là vượt qua những giới hạn thương tình của con người. "Bước qua lời nguyện" cũng là siêu thăng. Siêu thăng thực sự giả định sự ngưỡng vọng cái thiêng đúng hơn có cái thiêng để ngưỡng vọng. "Chữ trình còn một chút này..." cố giữ "chút thiêng" còn lại có khi là một trong những điều thiêng liêng nhất của người cầm bút. Phải có một cảm hứng nhân đạo sâu sắc lắm mới làm rung được cái "thiêng" của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đây là một kinh nghiệm văn học quan trọng của thời kỳ vừa qua. Trong văn học cổ, cái thiêng giả định cõi siêu nhiên và giới thần thánh. trong văn học hiện đại (vô thần), cái thiêng ở ngay trong lương tâm con người, ở phần "siêu thức", "siêu ngã" của con người. Thế tục hóa và siêu thăng là hai xu hướng đối nghịch. Trong những tác phẩm văn học hiện đại, sự đối nghịch này càng căng thì hiệu quả mỹ học càng sâu sắc.

Còn có thể kể ra những sự đối lập khác. Để kết thúc chúng tôi nêu lên sự đối lập có thể diễn đạt một cách ước lệ như sau: dương tính là "chính trị", âm tính là "văn hóa". Cách nhìn "chính trị" nhấn mạnh lập trường của tập đoàn của mình, chẳng hạn như lập trường giai cấp của mình, lập trường quốc gia của mình. Cách nhìn "văn hóa" quan tâm đến sự thống nhất giữa những giai cấp khác nhau, giữa những quốc gia khác nhau. Chính trị cao là "chính trị có văn hóa". Cách nhìn "văn hóa" cuối cùng đi đến cơ sở tính người và những giá trị nhân loại phổ biến. Marx là người đã sáng lập lý thuyết khoa học về giai cấp và đấu tranh giai cấp, và ông có một quan điểm giai cấp hết sức nhất quán trong các công trình nghiên

cứu. Tuy nhiên, về xây dựng con người thế hệ trẻ, Marx đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng cơ sở nhân văn mang ý nghĩa nhân loại phổ biến.

Những đối lập được dẫn ở trên nhằm làm rõ quan điểm của chúng tôi về dòng văn học dương tính và âm tính. Nhận định rằng văn học của ta từ 1945 đến 1975 chủ yếu phát triển như một dòng văn học dương tính, chúng tôi muốn nhấn mạnh khuynh hướng chung, còn xét từng tác phẩm, từng tác giả không thiếu những trường hợp có sự hài hòa âm tính dương tính. Sự phân biệt âm tính, dương tính không bao hàm một sự phân biệt thứ bậc giá trị. Cả âm tính và dương tính đều không thể thiếu được cho sự phát triển bình thường của một nền văn học. Khi âm tính bị khô kiệt thì tác phẩm dương tính bị trần trụi, khô khốc. Và trong "bóng tích dương" khó mà tìm được cái đẹp lành mạnh, dồi dào sức sống. Và chẳng giữa âm tính, dương tính ngoài quan hệ đối lập, còn có quan hệ thống nhất. Chẳng hạn "chất thép" (dương tính) đối lập với tính nước (âm tính), nếu như thép có thể đục vỡ đá thì nhiều giọt nước cũng có thể đục được đá. Để tạo ra sự hài hòa âm tính, dương tính, phải có một quan niệm biện chứng về sự đối lập âm tính, dương tính. Với một quan niệm siêu hình thì những cái đối lập với nhau chỉ có thể loại trừ nhau. Quan hệ biện chứng nhìn nhận quan hệ bổ xung, giao hóa, thâm nhập

và làm giàu lẫn nhau giữa những cái đối lập. Cho nên tính trội của dòng chủ lưu chỉ có nghĩa là tương đối. Dòng dương tính là chủ lưu chỉ có ý nghĩa là nó trội hơn dòng âm tính nhưng tự nó không thực sự mạnh - một khi nó xa rời dòng âm tính và ngược lại cũng vậy. Trong văn học, với sự nhìn nhận tự do cạnh tranh giữa các trường phái có thể tạo ra sự đa dạng về phong cách. Tuy nhiên, sự hài hòa âm tính, dương tính mới là nguồn phong phú của văn học. không có sự hài hòa ở gốc nguồn này, sự phong phú và đa dạng có thể là giả.

Trên đại thể, thời kỳ văn học từ năm 1945 đến nay có thể gọi là thời kỳ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Từ Đại hội nhà văn lần thứ IV và thời gian tới là một thời kỳ văn học khác. Rất có thể sang thế kỷ XXI có nhà học giả sẽ gọi thời kỳ này là thời kỳ hậu hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tên gọi không quan trọng. Tôi tin rằng thời kỳ này sẽ tiếp nối một cách xứng đáng thời kỳ trước. Với kinh nghiệm mười lăm năm qua về nhu cầu hai hòa âm tính - dương tính trong thời kỳ sắp tới này chắc là văn học của ta sẽ phát triển phong phú đa dạng đem lại sự hài hòa cho tâm hồn con người, tạo ra sự cân bằng trong đời sống tinh thần của xã hội và đất nước.

---

1 *Bước qua lời nguyện* là nhan đề một truyện ngắn của Tạ Duy Anh đăng trên tuần báo *Văn Nghệ* (số 47, 1989). Những định kiến hận thù có thể trở thành những lời nguyện - có khi ngoài ý muốn của con người, con người yêu thương bị trói bởi những lời nguyện của chính mình, để thực hiện và thỏa mãn khát vọng yêu thương - nhu cầu nhân tính cao nhất của con người - chẳng còn con đường nào khác là "bước qua lời nguyện". Đó là chủ đề tư tưởng của truyện. Chủ đề này là sự tiếp tục cảm hứng nhân văn truyền thống của những "Roméo và Juliét" đồng thời là tiếng vang vọng khẩn thiết với trạng thái nhân thế hiện nay. Đọc truyện của Tạ Duy Anh, một câu hỏi được đặt ra: già từ thế kỷ XX bão táp và máu lửa này và chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI "lý trí và nhân bản" những lời nguyện nào là đáng nguyện rửa, những lời nguyện nào nhân loại trước sau phải bước qua? Phải chăng câu hỏi bức thiết này cũng được đặt ra cho mỗi người, mỗi quốc gia? Phải chăng truyện của Tạ Duy Anh là tín hiệu của một dòng văn học mới, dòng văn học "bước qua lời nguyện". So sánh "văn học bước qua lời nguyện" với "văn học sám hối" có thể rút ra những kết luận thú vị. "Bước qua lời nguyện" hay "sám hối" câu hỏi này không phải không có liên quan đến sự nghiệp cải tổ đổi mới ngày hôm nay.